

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt Chương trình Phát triển tài sản trí tuệ
tỉnh Đồng Nai đến năm 2030

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 1068/QĐ-TTg ngày 22 tháng 8 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược sở hữu trí tuệ đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 2205/QĐ-TTg ngày 24 tháng 12 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phát triển tài sản trí tuệ đến năm 2030;

Căn cứ Thông tư số 03/2021/TT-BKHHCN ngày 11 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc quy định về quản lý Chương trình phát triển tài sản trí tuệ đến năm 2030;

Căn cứ Thông tư số 75/2021/TT-BTC ngày 9 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về quản lý tài chính thực hiện Chương trình phát triển tài sản trí tuệ đến năm 2030;

Căn cứ Văn bản số 2612/BKHHCN-SHTT ngày 23 tháng 9 năm 2021 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc hướng dẫn triển khai Quyết định số 2205/QĐ-TTg ngày 24 tháng 12 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phát triển tài sản trí tuệ đến năm 2030;

Căn cứ Kế hoạch số 279/KH-UBND ngày 29 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc tổ chức triển khai thực hiện Chiến lược Sở hữu trí tuệ đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 728/QĐ-UBND ngày 12 tháng 4 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về tổ chức triển khai Nghị quyết số 30/2022/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức hỗ trợ đăng ký bảo hộ tài sản trí tuệ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 20/2023/QĐ-UBND ngày 04 tháng 5 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về ban hành Quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và

công nghệ về phát triển tài sản trí tuệ, nâng cao chất lượng sản phẩm, hàng hóa có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 10/QĐ-UBND ngày 03 tháng 01 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc triển khai Nghị quyết số 30/2023/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 quy định định mức xây dựng dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 38/TTr-SKHCN ngày 04 tháng 4 năm 2024.


QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Chương trình phát triển tài sản trí tuệ tỉnh Đồng Nai đến năm 2030.

Điều 2. Trong trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn trong Chương trình này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng các văn bản quy phạm pháp luật mới thì áp dụng theo các văn bản quy phạm pháp luật mới.

Điều 3. Giao Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan triển khai thực hiện hiệu quả Chương trình phát triển tài sản trí tuệ tỉnh Đồng Nai đến năm 2030, định kỳ báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả thực hiện.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 5. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Khoa học và Công nghệ, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Văn hóa Thể thao và Du lịch, Tài chính, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /: 

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Q. Chủ tịch, PCT UBND tỉnh (KGVX);
- Chánh, Phó VP UBND tỉnh (KGVX);
- Lưu: VT, KGVX.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thị Hoàng



CHƯƠNG TRÌNH

Phát triển tài sản trí tuệ tỉnh Đồng Nai đến năm 2030

(Kèm theo Quyết định số 1262/QĐ-UBND ngày 04 tháng 5 năm 2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Cụ thể hóa nội dung của Chương trình phát triển tài sản trí tuệ đến năm 2030 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phù hợp với yêu cầu của tỉnh, đưa sở hữu trí tuệ trở thành công cụ quan trọng trong việc nâng cao năng lực cạnh tranh, tạo môi trường khuyến khích đổi mới sáng tạo, xây dựng ý thức tôn trọng và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, tiến tới hình thành văn hóa sở hữu trí tuệ trong xã hội đáp ứng điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Đến năm 2025

- 100% các trường đại học, viện nghiên cứu được tuyên truyền, nâng cao nhận thức và hỗ trợ bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ cho các kết quả nghiên cứu khoa học và đổi mới sáng tạo.

- Tối thiểu 40% sản phẩm được công nhận là sản phẩm dịch vụ chủ lực, đặc thù của tỉnh; sản phẩm gắn với Chương trình mỗi xã một sản phẩm (Chương trình OCOP) được hỗ trợ đăng ký bảo hộ, quản lý và phát triển tài sản trí tuệ, kiểm soát nguồn gốc và chất lượng sau khi được bảo hộ.

- Tăng cường năng lực và hiệu quả thực thi quyền sở hữu trí tuệ; thúc đẩy công tác bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ trong môi trường số.

b) Đến năm 2030

- Số lượng đơn đăng ký bảo hộ sáng chế của các viện nghiên cứu, trường đại học tăng trung bình 5 - 10%/năm; số lượng đơn đăng ký bảo hộ giống cây trồng tăng trung bình 5 - 10%. Hỗ trợ ít nhất 03 doanh nghiệp ứng dụng sáng chế/giải pháp hữu ích được bảo hộ để phát triển thương mại hóa sản phẩm hoặc nhằm nâng cao năng suất, chất lượng các đặc sản/sản phẩm chủ lực trên địa bàn tỉnh kể cả sáng chế của nước ngoài không bảo hộ tại Việt Nam hằng năm.

- Tối thiểu 60% sản phẩm được công nhận là sản phẩm dịch vụ chủ lực, đặc thù của tỉnh; sản phẩm gắn với Chương trình mỗi xã một sản phẩm (Chương trình OCOP) được hỗ trợ đăng ký bảo hộ, quản lý và phát triển tài sản trí tuệ, kiểm soát nguồn gốc và chất lượng sau khi được bảo hộ.

- Hỗ trợ tạo lập và đăng ký bảo hộ sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu hàng hóa và giống cây trồng mới trong và ngoài nước (mỗi năm: ít nhất 30 đơn vị (sáng chế, kiểu dáng công nghiệp và nhãn hiệu hàng hóa); 1 giống cây trồng).

- Hỗ trợ xây dựng, quản lý và phát triển nhãn hiệu chứng nhận, nhãn hiệu tập thể, chỉ dẫn địa lý đối với các đặc sản, sản phẩm làng nghề, sản phẩm đặc thù của địa phương (ít nhất 20 nhãn hiệu chứng nhận/nhãn hiệu tập thể) và hỗ trợ đăng ký bảo hộ ra ngoài nước (ít nhất 08 nhãn hiệu).

- Số lượng đơn đăng ký nhãn hiệu của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh tăng trung bình 8 - 10%/năm.

- Tăng cường năng lực và hiệu quả thực thi quyền sở hữu trí tuệ; thúc đẩy công tác bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ trong môi trường số.

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP TRIỂN KHAI CHƯƠNG TRÌNH

1. Tăng cường các hoạt động tạo ra tài sản trí tuệ, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực về đổi mới sáng tạo và sở hữu trí tuệ

a) Tăng cường tuyên truyền, phổ biến kiến thức pháp luật, thủ tục đăng ký bảo hộ, chính sách hỗ trợ phát triển và thành tựu của hoạt động sở hữu trí tuệ; xây dựng chuyên đề, phóng sự trên sóng phát thanh truyền hình, báo, tạp chí và các trang thông tin điện tử nhằm nâng cao nhận thức về sở hữu trí tuệ, khuyến khích đổi mới sáng tạo, xây dựng ý thức tôn trọng và bảo vệ quyền, hình thành văn hóa sở hữu trí tuệ trong xã hội.

b) Hướng dẫn về sở hữu trí tuệ cho các tập thể, cá nhân có nhu cầu bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ trên địa bàn tỉnh; hỗ trợ nâng cao năng lực và hiệu quả hoạt động về sở hữu trí tuệ của các tổ chức, tập thể là chủ sở hữu, chủ thể quản lý nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận, chỉ dẫn địa lý.

c) Đẩy mạnh việc hướng dẫn, hỗ trợ tra cứu, khai thác cơ sở dữ liệu về thông tin sở hữu trí tuệ cho các tổ chức, cá nhân, ưu tiên hỗ trợ cho các tổ chức khoa học và công nghệ, doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo nhằm tạo ra các tài sản trí tuệ được bảo hộ và có tính ứng dụng cao.

d) Tổ chức các chương trình tập huấn, đào tạo từ cơ bản đến chuyên sâu về sở hữu trí tuệ phù hợp với các nhóm đối tượng; triển khai các chương trình hợp tác, tham quan học tập về hỗ trợ, quản lý và phát triển tài sản trí tuệ.

đ) Hỗ trợ đề xuất và triển khai các nhiệm vụ khoa học, hỗ trợ các tổ chức và doanh nghiệp khoa học và công nghệ, trung tâm nghiên cứu, trường đại học, cao đẳng hợp tác với doanh nghiệp theo hướng tạo ra kết quả nghiên cứu được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, trong đó tăng cường sử dụng công cụ sở hữu trí tuệ để phát triển các ngành, lĩnh vực trọng điểm, các sản phẩm, dịch vụ có lợi thế cạnh tranh.

2. Thúc đẩy đăng ký tài sản trí tuệ trong và ngoài nước

a) Hỗ trợ đăng ký bảo hộ sáng chế, kiểu dáng công nghiệp và nhãn hiệu của các tổ chức, cá nhân. Đăng ký bảo hộ, công nhận giống cây trồng mới của các tổ chức, cá nhân.

b) Đăng ký bảo hộ chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu chứng nhận, nhãn hiệu tập thể cho các sản phẩm, dịch vụ chủ lực, đặc thù của tỉnh và sản phẩm gắn với Chương trình OCOP tỉnh Đồng Nai.

3. Nâng cao hiệu quả quản lý và khai thác tài sản trí tuệ

a) Xây dựng và triển khai hệ thống quản lý chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu chứng nhận, nhãn hiệu tập thể và sản phẩm thuộc Chương trình OCOP gắn với đăng ký mã số vùng trồng, an toàn thực phẩm, chứng nhận chất lượng và xác thực, truy xuất nguồn gốc sản phẩm được bảo hộ.

b) Khai thác, phát triển chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu chứng nhận, nhãn hiệu tập thể và sản phẩm gắn với Chương trình OCOP theo hướng hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm được bảo hộ theo chuỗi giá trị. Giới thiệu, quảng bá và triển khai các hoạt động xúc tiến thương mại khác nhằm khai thác, phát triển giá trị các tài sản trí tuệ.

c) Triển khai quy định về quản lý và sử dụng biểu tượng chỉ dẫn địa lý quốc gia, hỗ trợ sử dụng biểu tượng chỉ dẫn địa lý quốc gia ở trong và ngoài nước.

d) Hỗ trợ các tổ chức, doanh nghiệp khai thác sáng chế, giải pháp hữu ích của Việt Nam được bảo hộ, sáng chế của nước ngoài không được bảo hộ hoặc hết thời hạn bảo hộ tại Việt Nam.

đ) Quản trị tài sản trí tuệ cho doanh nghiệp và tổ chức khoa học và công nghệ. Hỗ trợ tư vấn định giá, kiểm toán tài sản trí tuệ, tập trung vào các đối tượng là sáng chế, tên thương mại và nhãn hiệu.

e) Phối hợp triển khai và hỗ trợ hình thành hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo trong các trường đại học. Hỗ trợ các viện nghiên cứu, trường đại học thành lập doanh nghiệp để khai thác quyền sở hữu trí tuệ, rút ngắn quá trình ứng dụng kết quả nghiên cứu vào sản xuất, kinh doanh.

g) Hỗ trợ giới thiệu, trưng bày, quảng bá và triển khai các hoạt động xúc tiến thương mại đối với các sản phẩm đặc thù, đặc sản thông qua các hoạt động giao thương, kết nối cung cầu.

4. Thúc đẩy và tăng cường hiệu quả thực thi và chống xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ

a) Tăng cường công tác phối hợp thanh tra, kiểm tra, giám sát việc chấp hành pháp luật về sở hữu công nghiệp; giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về sở hữu công nghiệp trên địa bàn tỉnh. Trong đó, đặc biệt lưu ý việc xâm phạm các nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận, chỉ dẫn địa lý đã được cấp quyền bảo hộ. Khuyến khích giải quyết các tranh chấp về sở hữu trí tuệ bằng hình thức trọng tài, hòa giải.

b) Tổ chức trưng bày nhằm phân biệt sản phẩm được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ và sản phẩm xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ.

5. Phát triển, nâng cao năng lực các tổ chức trung gian và chủ thể quyền sở hữu trí tuệ

a) Phối hợp triển khai và hỗ trợ thành lập các tổ chức dịch vụ tư vấn sở hữu trí tuệ, chú trọng phát triển các trung tâm tư vấn về sở hữu trí tuệ trong các viện nghiên cứu, trường đại học.

b) Thúc đẩy phát triển các dịch vụ hỗ trợ về sở hữu trí tuệ, nâng cao chất lượng dịch vụ về sở hữu trí tuệ.

c) Nâng cao hiệu quả hoạt động của các tổ chức quản lý tập thể quyền tác giả, quyền liên quan đến quyền tác giả, đáp ứng kịp thời nhu cầu của xã hội, bảo đảm hài hòa lợi ích của các bên liên quan.

d) Tổ chức quản lý, giám sát các dịch vụ về sở hữu trí tuệ, đặc biệt là các dịch vụ trung gian.

đ) Nâng cao năng lực của tổ chức trung gian/tổ chức tập thể (Hiệp hội, Hội...) tham gia hoạt động kiểm soát, quản lý, sử dụng Chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu chứng nhận, nhãn hiệu tập thể.

6. Hình thành, tạo dựng văn hóa sở hữu trí tuệ trong xã hội

a) Tăng cường truyền thông trên các phương tiện thông tin đại chúng nhằm nâng cao nhận thức về sở hữu trí tuệ, khuyến khích đổi mới sáng tạo; xây dựng ý thức tôn trọng và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, hình thành văn hóa sở hữu trí tuệ trong xã hội.

b) Hỗ trợ thực hiện các chương trình, hoạt động đào tạo, bồi dưỡng về sở hữu trí tuệ trong các cơ sở giáo dục và đào tạo, đặc biệt là các cơ sở giáo dục đại học.

c) Vinh danh khen thưởng đối với tập thể, cá nhân có thành tích hoạt động sở hữu trí tuệ.

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Nguồn kinh phí

Nguồn kinh phí thực hiện Chương trình được đảm bảo từ các nguồn: Nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ hàng năm giao cho Sở Khoa học và Công nghệ; nguồn kinh phí từ ngân sách nhà nước cho các ngành, địa phương; nguồn đóng góp của các tổ chức, cá nhân và các nguồn hợp pháp khác.

2. Nguyên tắc hỗ trợ

a) Hỗ trợ kinh phí đăng ký bảo hộ tài sản trí tuệ

Việc hỗ trợ kinh phí cho các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân, cơ sở sản xuất, kinh doanh có địa chỉ hoạt động trên địa bàn tỉnh Đồng Nai trong việc đăng ký bảo hộ tài sản trí tuệ ở trong và ngoài nước đối với sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu và đăng ký bảo hộ, công nhận giống cây trồng mới được thực hiện theo Nghị quyết số 30/2022/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức hỗ trợ đăng ký bảo hộ tài sản trí tuệ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đến năm 2030.

b) Hỗ trợ kinh phí xây dựng, tạo lập và phát triển tài sản trí tuệ và các nội dung khác thuộc Chương trình này được thực hiện dưới hình thức nhiệm vụ khoa học và công nghệ

Kinh phí các nhiệm vụ khoa học và công nghệ thực hiện thuộc Chương trình này được dự toán theo Nghị quyết số 30/2023/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai quy định mức xây dựng dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

IV. HỒ SƠ VÀ TRÌNH TỰ THỰC HIỆN HỖ TRỢ KINH PHÍ

Giao Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, ban hành và triển khai các thành phần hồ sơ và các bước thực hiện trong việc hỗ trợ kinh phí đối với các đối tượng tham gia các chính sách hỗ trợ đã được ban hành.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Khoa học và Công nghệ

a) Chủ trì, quản lý, tổ chức triển khai thực hiện các hoạt động chung của Chương trình; quản lý và hỗ trợ việc thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc chương trình. Là cơ quan đầu mối để các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân thuộc đối tượng được hỗ trợ để liên hệ.

b) Lập dự toán kinh phí hàng năm, gửi Sở Tài chính thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt theo quy định.

c) Phối hợp các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện và thành phố Long Khánh và thành phố Biên Hòa tổ chức và triển khai thực hiện Chương trình.

d) Xây dựng và phê duyệt các biểu mẫu như: hướng dẫn, thông báo, quyết định... và các văn bản khác có liên quan đến công tác xét và thực hiện hỗ trợ kinh phí đối với hồ sơ đề nghị hỗ trợ kinh phí đăng ký bảo hộ tài sản trí tuệ của các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong địa bàn tỉnh Đồng Nai theo các quy định hiện hành.

đ) Tiếp nhận các đề xuất thực hiện nội dung của Chương trình dưới hình thức nhiệm vụ khoa học và công nghệ, tổ chức xét hỗ trợ theo thẩm quyền quy định; quản lý các nhiệm vụ khoa học và công nghệ căn cứ theo nội dung Hợp đồng giữa Sở Khoa học Công nghệ và đơn vị chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ với định mức xây dựng kinh phí thực hiện theo quy định hiện hành; xem xét, phê duyệt yêu cầu điều chỉnh thời gian, nội dung, thay đổi chủ nhiệm, chủ trì thực hiện nhiệm vụ (nếu có); phối hợp Sở Tài chính xem xét, phê duyệt yêu cầu điều chỉnh kinh phí thực hiện nhiệm vụ (nếu có); thực hiện cấp kinh phí hỗ trợ theo quy định.

e) Chủ trì, phối hợp các cơ quan có liên quan tổ chức hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ, hội đồng tuyển chọn, giao trực tiếp nhiệm vụ, họp thẩm định nội dung và kinh phí, kiểm tra tiến độ và đánh giá giữa kỳ, nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc Chương trình.

g) Chủ trì, phối hợp các cơ quan có liên quan kiểm tra tại các tổ chức, doanh nghiệp chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ. Trong quá trình kiểm tra nếu phát hiện tổ chức, doanh nghiệp có hành vi vi phạm quy định thì dừng hỗ trợ kinh phí.

h) Báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về kết quả thực hiện Chương trình định kỳ hàng năm (trước ngày 25 tháng 12), tổ chức sơ kết Chương trình vào năm 2025 và tổng kết Chương trình vào năm 2030.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Tăng cường công tác tuyên truyền, quản lý và thực thi quyền sở hữu trí tuệ trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao thuộc lĩnh vực giống cây trồng.

b) Chủ trì phối hợp Sở Khoa học và Công nghệ đề xuất các nhiệm vụ hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ cho các sản phẩm nông nghiệp, sản phẩm đặc thù gắn với Chương trình OCOP của tỉnh. Tăng cường tập huấn, hướng dẫn kỹ thuật nhằm tăng năng suất, chất lượng; xây dựng quy hoạch và phát triển vùng nguyên liệu các sản phẩm đặc thù, đặc sản của tỉnh đáp ứng yêu cầu sản xuất; chỉ đạo việc tổ chức sản xuất các sản phẩm nông nghiệp đã được bảo hộ theo tiêu chuẩn GlobalGAP, VietGAP, hữu cơ.

c) Tăng cường kiểm tra việc chấp hành các quy định về chất lượng sản phẩm hàng hóa, vệ sinh an toàn thực phẩm đối với các hoạt động sản xuất, kinh doanh sản phẩm, hàng hóa nông sản được bảo hộ.

d) Phối hợp Sở Khoa học và Công nghệ đánh giá hiệu quả của Chương trình.

đ) Tham gia các cuộc họp Hội đồng xét duyệt hỗ trợ kinh phí đăng ký bảo hộ các đối tượng sở hữu trí tuệ trong và ngoài nước thuộc lĩnh vực giống cây trồng, các hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ, hội đồng tuyển chọn, giao trực tiếp nhiệm vụ, họp thẩm định nội dung và kinh phí, kiểm tra tiến độ và đánh giá giữa kỳ, nghiệm thu nhiệm vụ khi có yêu cầu.

4. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

a) Tăng cường công tác tuyên truyền, quản lý và thực thi quyền sở hữu trí tuệ trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao thuộc lĩnh vực quyền tác giả và quyền liên quan đến quyền tác giả.

b) Triển khai thực hiện các nhiệm vụ của chương trình, lồng ghép với các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình quốc gia, chương trình phát triển kinh tế - xã hội để triển khai các nhiệm vụ, giải pháp liên quan đến sở hữu trí tuệ thuộc thẩm quyền quản lý.

5. Sở Tài chính

a) Phối hợp Sở Khoa học và Công nghệ tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ hàng năm và các nguồn kinh phí phù hợp khác để triển khai thực hiện Chương trình.

b) Hướng dẫn, kiểm tra việc sử dụng, thanh quyết toán kinh phí theo quy định.

6. Sở Công Thương

Phối hợp các đơn vị liên quan xây dựng kế hoạch thực hiện chương trình, tổ chức các hội nghị, hoạt động giao thương, kết nối cung - cầu, tuyên truyền quảng bá sản phẩm đặc thù, đặc sản của tỉnh hằng năm. Hỗ trợ các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ sản xuất, kinh doanh tham gia các hội chợ, triển lãm, hội nghị giao thương, đưa hàng vào hệ thống phân phối ở nước ngoài.

7. Các sở, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Long Khánh và thành phố Biên Hòa

a) Tổ chức tuyên truyền nội dung và chính sách hỗ trợ của chương trình; vận động doanh nghiệp tham gia chương trình; lồng ghép các dự án của ngành để thực hiện các mục tiêu của chương trình trong phạm vi, trách nhiệm của ngành mình quản lý.

b) Rà soát bổ sung danh mục các sản phẩm đặc trưng, chủ lực của địa phương đề xuất gửi về Sở Khoa học và Công nghệ thực hiện việc xây dựng bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ.

c) Lựa chọn, đề xuất các nội dung của chương trình để được hỗ trợ bảo hộ, phát triển các sản phẩm, thành quả sáng tạo của tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp trên địa bàn.

VI. CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

Các sở, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Long Khánh và thành phố Biên Hòa phối hợp Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức thực hiện các nội dung của chương trình trong phạm vi, trách nhiệm của ngành. Định kỳ báo cáo kết quả thực hiện gửi Sở Khoa học và Công nghệ trước ngày 12/12 hàng năm để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

a) Định kỳ hàng năm (trước ngày 15 tháng 11), các đơn vị đánh giá tình hình và kết quả thực hiện các nhiệm vụ được giao trong Kế hoạch này, gửi Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh, Bộ Khoa học và Công nghệ.

b) Trước ngày 30 tháng 9 năm 2025, các đơn vị đánh giá, tổng hợp, sơ kết việc thực hiện các nội dung trong Kế hoạch này, đề xuất giải pháp, nội dung cụ thể để thực hiện trong các năm tiếp theo, gửi Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh, Bộ Khoa học và Công nghệ. Việc tổng kết Kế hoạch thực hiện Chiến lược được tổ chức vào năm 2030.

c) Các sở, ngành, đơn vị liên quan và các địa phương căn cứ triển khai thực hiện. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, các sở, ngành, địa phương hoặc cần sửa đổi bổ sung, đề nghị các cơ quan, đơn vị gửi văn bản về Sở

Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét điều chỉnh, bổ sung theo quy định./.